

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH AN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 09/6/2025

*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH AN – TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ngô Văn Hoàn

2. Bà Nguyễn Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Châm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Thạch An, tỉnh Cao Bằng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch An tham gia phiên tòa:
Ông Bé Thanh Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 15/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2025 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXX-ST ngày 28 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Mai T – sinh năm: 1992.

Nơi cư trú: Lũng Phầy - K, xã C, huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Bé Văn Q – sinh năm: 1989.

Nơi cư trú: T, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Nguyễn Thị Dạ T1 –

Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn"đơn khởi kiện đề ngày 21/03/2025, bản tự khai ngày 07/5/2025, nguyên đơn bà Hoàng Mai T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Q kết hôn năm 2009, trên cơ sở tự nguyện, được tìm hiểu, tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn bà và ông Q chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, không còn tình cảm. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thể hàn gắn được. Hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2014 đến nay. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 (một) con chung Bé Hoàng T2 – sinh ngày: 21/10/2009. Khi ly hôn bà không yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung mà giao con cho ông Q. Bà sẽ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000,đ/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 17/4/2025, bị đơn ông Bé Văn Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà T kết hôn năm 2009, trên cơ sở tự nguyện, được tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn ông và bà T ở nhà làm nông, chung sống với nhau bình thường. Từ khi bà T đi xuất khẩu lao động (không nhớ thời gian cụ thể) vợ chồng ông phát sinh mâu thuẫn. Bà T có về thăm nhà 01 lần, ngoài ra không về lần nào nữa. Hiện nay, bà T yêu cầu ly hôn ông nhất trí.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 (một) con chung Bé Hoàng T2 – sinh ngày: 21/10/2009. Khi ly hôn ông sẽ là người được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và nhất trí mức cấp dưỡng nuôi con 1.000.000,đ /tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 17/4/2025, cháu Bé Hoàng T2 trình bày:

Cháu là Bé Hoàng T2, sinh ngày: 21/10/2009. Cháu hiện tại đang học lớp 10 tại Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện T và đang sống cùng bố tại T, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Nếu bố mẹ cháu ly hôn, không chung sống cùng nhau cháu có nguyện vọng sống cùng bố Bé Văn Q.

Tại phiên tòa:

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Bé Văn Q trình bày:

Ông Q và bà T kết hôn năm 2009, trên cơ sở tự nguyện, được tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng nên quan hệ hôn nhân giữa ông Q và bà T là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, ông Q và bà T chung sống với nhau bình thường. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng xuất hiện từ khi bà T đi xuất khẩu lao động. Bà T về thăm nhà 01 lần, ngoài ra không về lần nào nữa. Bà T yêu cầu ly hôn ông Q nhất trí.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 (một) con chung Bé Hoàng T2 – sinh ngày: 21/10/2009. Khi ly hôn ông Q và bà T đều thống nhất ông Q là người được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Bà T cấp dưỡng nuôi con 1.000.000,^d /tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hoàng Mai T và ông Bé Văn Q. Giao con chung Bé Hoàng T2 – sinh ngày: 21/10/2009 cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi trưởng thành. Bà T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000,^d /tháng. Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm:

* Việc tuân theo pháp luật:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 và các quy định khác Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện, tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

* Việc giải quyết vụ án: Bà Hoàng Mai T cho rằng mâu thuẫn đã trầm trọng, hôn nhân không đạt và xin ly hôn với ông Bé Văn Q là có tính thuyết phục bởi từ năm 2014 sau khi bà T đi xuất khẩu lao động đã xảy ra mâu thuẫn, giữa hai vợ chồng không có tiếng nói chung và đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Do mâu thuẫn trầm trọng, hôn nhân không đạt được nên ông Q cũng nhất trí ly hôn. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà T ly hôn với ông Q.

Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung là Bé Hoàng T2 – sinh ngày: 21/10/2009. Hai đương sự thống nhất ông Q là người trực nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và bà T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000,đ/tháng nên được chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền: Bà Hoàng Mai T khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với ông Bé Văn Q, nơi cư trú: T, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều

39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

[1.2]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong tất cả các hoạt động tố tụng. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Mai T và ông Bé Văn Q kết hôn năm 2009, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được tìm hiểu, tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Q là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3]. Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Bà T xác định từ năm 2014 tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu ly hôn với ông Q. Bị đơn ông Q trình bày từ khi bà T đi xuất khẩu lao động vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và từ đó đến nay bà T chỉ về thăm nhà 01 lần. Bà T yêu cầu ly hôn ông Q nhất trí. Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà T và ông Q đã thực sự không còn tình cảm, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà T là có căn cứ chấp nhận.

[4]. Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà T và ông Q có 01 (một) con chung là Bé Hoàng T2 – sinh ngày: 21/10/2009 (Giới tính: Nam).

Về người trực tiếp nuôi con: Hai đương sự đều có ý kiến con chung sẽ do ông Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành. Ý kiến này của bà T và ông Q cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu T2 muốn ở với ông Q trong trường hợp bố mẹ không chung sống với nhau. Như vậy, cần giao con chung cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Q và bà T đều có ý kiến mức cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000,^d/tháng nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận mức cấp dưỡng này.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông Q đều xác nhận trong quá trình chung sống không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Bà T phải chịu 300.000,^d (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn và 300.000,^d (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Bà T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000,^d (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ngày 28/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch An. Bà T phải nộp thêm 300.000,^d (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8]. Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Mai T.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Mai T được ly hôn với ông Bé Văn Q.

[2]. Về con chung: Giao con chung Bé Hoàng T2 – sinh ngày: 21/10/2009 (Giới tính: Nam) cho ông Bé Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bà Hoàng Mai T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000,^d/tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Bên không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người đang trực tiếp nuôi con. Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều xác nhận trong quá trình chung sống không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà Hoàng Mai T phải chịu 300.000,^d (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn và 300.000,^d (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Bà Hoàng Mai T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000,^d (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ngày 28/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch An. Bà Hoàng Mai T phải nộp thêm 300.000,^d (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND h. Thạch An;
- TAND t. Cao Bằng;
- VKSND t. Cao Bằng;
- Chi cục THADS h. Thạch An;
- UBND xã Đức Xuân;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Quỳnh Mai

